



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU HIEU
Last Middle First
- Current Address 33 Huynh Van Banh street, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, SVN.
- Date of Birth Nov. 13th, 1944 Place of Birth Saigon
- Previous Occupation (before 1975) Captain - Inspectorate General Officer
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 23th, 1975 To April 7th, 1982
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN PHU KINH LUAN 67/112 Elizabeth St. Richmond VIC 3121 AUSTRALIA
Name Address & Telephone
- FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>None</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI THUY	April 7th 1954	Wife
LAM THUY PHUONG UYEN	Oct. 13th 1976	Daughter (step daughter)
NGUYEN HUYNH DUC	August 6th 1988	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

HUYNH THI THUY 60/11 Huynh Van Banh street, Phu Nhuan
LAM THUY PHUONG UYEN District, Ho Chi Minh City, South Vietnam.
NGUYEN HUYNH DUC

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU HIEU
Last Middle First
- Current Address 33 Huynh Van Banh street, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, SVN.
- Date of Birth Nov. 13th, 1944 Place of Birth Saigon
- Previous Occupation (before 1975) Captain - Inspectorate General Officer
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 23th 1975 To April 7th 1982
3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN PHU KINH LUAN
Name
67/112 Elizabeth St. Richmond
VIC 3121 AUSTRALIA
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>None</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI THUY	April 7th 1954	Wife
LAM THUY PHUONG UYEN	Oct. 13th 1976	Daughter (step daughter)
NGUYEN HUYNH DUC	August 6th 1988	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

HUYNH THI THUY 60/11 Huynh Van Banh street, Phu Nhuan
LAM THUY PHUONG UYEN District, Ho Chi Minh City, South Vietnam.
NGUYEN HUYNH DUC

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU HIEU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : November 13th 1944
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
Tình trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 33 HUYNH VAN BANH street, PHU NHUAN District, HOCHIMINH CITY
Địa chỉ tại Việt-Nam)
SOUTH VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu) June 23th, 1975 To (Den): April 7th, 1982

PLACE OF RE-EDUCATION: HAM TAN
AMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Former Officer of the ARMY of the Republic of Vietnam

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): None
IN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN (Regular) INSPECTORATE GENERAL OF THE AFVN
IN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Inspectorate General Officer
Date (nam): 1970 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): X
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 33 Huynh Van Banh st. Phu Nuan District
Ho Chi Minh City, South Vietnam.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN PHU KINH LUAN (nephew) 67/112 Elizabeth St. Richmond V.I.C.
3121 AUSTRALIA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): None No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Nephew

NAME & SIGNATURE: NGUYEN PHU KINH LUAN 67/112 Elizabeth St. Richmond VIC 3121 AUSTRALIA.
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT: _____
Ten, Chu ky, Dia chi va Dien choai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI THUY	April 7th 1954	Wife
LAM THUY PHUONG UYEN	Oct. 13th 1976	Daughter (step daughter)
NGUYEN HUYNH DUC	August 6th 1988	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

HUYNH THI THUY _____ 60/11 Huynh Van Barch street, Phu Nhuan
 LAM THUY PHUONG UYEN _____ District, HoChinh City, South Vietnam.
 NGUYEN HUYNH DUC _____

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU HIEU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : November 13th 1944
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
Tình trạng gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 33 HUYNH VAN BANH street, PHU NHUAN District, HOCHIMINH CITY
Địa chỉ tại Việt-Nam)
SOUTH VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu) June 23th, 1975 To (Den): April 7th, 1982

PLACE OF RE-EDUCATION: HAM TAN
AMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Former Officer of the ARMY of the Republic of Vietnam

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): None
IN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): CAPTAIN (Regular) INSPECTORATE GENERAL OF THE ARVN
IN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Inspectorate General Officer
Date (nam): 1970 - 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): X
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiec

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 33 Huynh Van Banh st. Phu Nhuan District
Ho Chi Minh City, South Vietnam.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NGUYEN PHU KINH LUAN (nephew) 67/112 Elizabeth St. Richmond V.I.C.
3121 AUSTRALIA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): None No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Nephew

NAME & SIGNATURE: NGUYEN PHU KINH LUAN 67/112 Elizabeth St. Richmond VIC 3121 AUSTRALIA.
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT: _____
Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: _____
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI THUY	April 7th 1954	Wife
LAM THUY PHUONG UYEN	Oct. 13th 1976	Daughter (step daughter)
NGUYEN HUYNH DUC	August 6th 1988	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

HUYNH THI THUY _____ 60/11 Huynh Van Barch street, Phu Nhuan
 LAM THUY PHUONG UYEN _____ District, HoChinh City, South Vietnam.
 NGUYEN HUYNH DUC _____

ADDITIONAL INFORMATION :

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận **PHÚ NHUẬN**

Thành phố, Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/73

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số **2737**

Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	AM THUY PHƯƠNG UYÊN		Nam ☐ Nữ ☒
Sinh ngày tháng, năm	13 tháng 10 năm 1976 Lúc 8 giờ 55		
Nơi sinh	Bệnh viện Nhân Dân (Bệnh Tạih)		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	AM VAN THANH 1952	AM THUY PHUONG UYEN 1954	
Dân tộc Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công Nhân 60/11 Nguyễn Huệ Độc Quận Phú Nhuận	Công Nhân 60/11 Nguyễn Huệ Độc Quận Phú Nhuận	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **24** tháng **8** năm **1983**

TM/UBND ký tên đóng dấu



VÕ VĂN LẠC

Đang ký ngày **23** tháng **10** năm **1986**

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ỦY VIÊN HỘ TỊCH.



THÀNH KIM.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn PHƯỜNG 15

Thị xã, Quận PHÚ NHUẬN

Thành phố, Tỉnh HỒ CHÍ MINH



BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 136

Quyền số 01/88

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	NGUYỄN HUỖNH ĐỨC		Nam, ☒
Sinh ngày	NGÀY SẴN THÁNG TÁM NĂM MỘT CHÍN TÁM TÁM		
tháng năm	(06 - 08 - 1988) vào lúc 9 giờ 05		
Nơi sinh	BỆNH VIỆN PHỤ SẢN		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN HỮU HIỆU	HUỖNH THỊ THÚY	
	1944	1954	
Dân tộc	KINH	KINH	
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM	
Nghề nghiệp	BUÔN BÁN	CÔNG NHÂN	
Nơi ĐKNK thường trú	33 HUỖNH VĂN BẢNH PHƯỜNG 17 - PHÚ NHUẬN	60/21 HUỖNH VĂN BẢNH PHƯỜNG 15 - PHÚ NHUẬN	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN HỮU HIỆU		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 08 năm 198 8

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 15 ký tên đóng dấu

ỦY VIÊN THƯ-KÝ

Đỗ Khắc Hiệp

Đã ký, ngày 13 tháng 08 năm 1988

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ XUYẾN



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIÊN GIANG

QUẬN ĐÀ NẴNG

XÃ AN ĐỐC

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm 1974

Số hiệu: 223

Tên, họ đầu nhĩ	HUỖNH - THỊ - THÚC
Phái	Nữ
Sanh ngày	Lo 7 April 1954
Nơi sanh.	Làng An-Đức
Tên, họ cha	HUỖNH - VĂN - GIANG
Nghề nghiệp	Chợ bán buôn địa tuyến
Cư sở tại	Làng An-Đức
Tên, họ mẹ.	PHAN - THỊ - CHAU
Nghề nghiệp	Đuổi bán
Cư ngụ tại	Làng An-Đức
Vợ chánh hay vợ thứ .	Vợ chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

42363, ngày 16 tháng 4 năm 19 73
X. TRUẬN / ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



NGUYỄN-VĂN-PHỔ

BỘ NỘI VỤ
Trại Ham Tân

(4)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TTg ngày 31/05/61 của Bộ Nội vụ
Thi hành quyết định tha số 41/QĐ ngày 29/3/82 của Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh : NGUYỄN HỮU HIẾU

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh :

Năm sinh : 1944

Nơi sinh : Sài Gòn

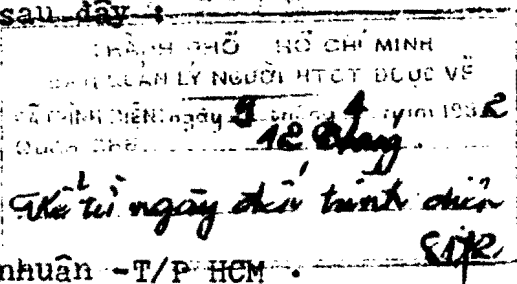
Trú quán : 33/ Nguyễn huyñh đức - Phú nhuận - T/P HCM .

Can Tội : Đại úy sỹ quan thanh tra

Bị bắt : 23/6/75

án phạt : TTCT

Nay về cư trú tại : 33 Nguyễn huyñh đức - Phú nhuận - T/P HCM .



NHAN XÉT QUA TRONH CẢI TẠO

Tư tưởng : To ra an tâm học tập cải tạo , không có biểu hiện gì xấu .

Lao động : Sức khỏe yếu nhưng cố gắng đảm bảo ngày công hoàn thành công việc được giao .

Nội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .

Học tập : Tham gia đều tiếp thu khá .
quản chế 12 tháng .

Lần tay ngón trở phải . Họ tên chữ ký của người . /)/gày năm 82
của : NGUYỄN HỮU HIẾU Được cấp giấy



TRƯỞNG TÀ : PHẠM HUỆ

Nguyễn Hữu Hiếu Công An Thành Phố Hồ Chí Minh

Đường số 1 khi về có đến trình diện ngay
với chính quyền địa phương

Ngày 09/02/82
T.A.



Le van - Hoi.

Tòa Án Nhân Dân
Quận Phú Nhuận

Thay 17 số : 134/BN
Ngày : 14/10/1983

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TRÍCH SAO BẢN ÁN DÂN

ÁN CÓ HIỆU LỰC THỰC HÀNH

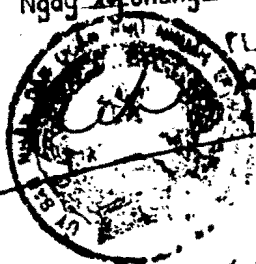
1. Sơ thẩm số : 29/D31/ST, ngày 30/12/1983, Tòa Án Nhân Dân

đã xét xử Sơ thẩm việc kiện ly hôn giữa :
- Nguyên đơn : Bà LÊ-THỊ-DẪM, 36 tuổi, Nghề nghiệp : Kế-toán Tổ Hợp
- Bị đơn : Ông NGUYỄN-HỮU-HƯỞNG, 36 tuổi, Nghề nghiệp : Chum có việc
Sống chung tại : Số 2 Bến Chương Dương Thưởng 20, Quận I (cổ mặt)

Đã - Dã - Tuyên.

Về quan hệ vợ chồng : Xí Bà Lê-Thị-Dẫn ly hôn Ông Nguyễn-Hữu-Hưởng
và con cái : 4 trẻ con chung.

Số 180/UB CNSY
CHÍNH ANH SĨNG Y BAN CHAM
Xét trình tại UBND Quận Phú Nhuận
Ngày 19 tháng 6 năm 1983



UBND QUẬN
Chánh Văn Phòng

Đã an dân chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

1- NGUYỄN-DIỆP-NGOC-ANH, sinh năm : 1970.

2- NGUYỄN-DIỆP-NGOC-ÁNH, sinh năm 1972.

3- NGUYỄN-THỊ-ÁNH-ĐÀO, sinh năm : 1973.

4- NGUYỄN-THỊ-ÁNH-NGUYỄN, sinh năm : 1975.

Cho cấp dưỡng nuôi ăn con còn tồn số giải quyết sau khi Ông Hiếu có

phương hai số đều có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục

Thư Văn Kí Hoàng

con của mình và lập lên con cái thì cần thiết có thể thay đổi

phần phải tồn nuôi nấng con chung.

Cải thiện chung : Cơm 1 bữa học, 6 ghế đơn, 1 băng đen, 1 tủ

đồ hộp, 2 tủ chén, 1 xe đạp Hini, 1 quạt trần, 1 đồng hồ đeo

tay, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn

Ông Hiếu thuộc quyền sở hữu 1 xe đạp Hini, 1 quạt trần, 1

Ông Bà Dăm thuộc quyền sở hữu, 1 tủ sắt đựng quần áo, 1 bàn

đèn, 1 băng đen, 1 bàn học 6 ghế đơn, 1 đồng hồ đeo tay, 1 cặp đèn

mặt tiền, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn, 1 cặp đèn

ly 6.

- Án phí dân sự sơ thẩm 30 đồng. Ông Hiếu thi hành.

- Án phí dân sự xét xử sơ thẩm bằng cáo là 15 ngày, kể từ ngày

1. Nguyên đơn :
2. Bị đơn :
3. Thẩm phán :

Chức tọng phiên Tòa.
Đã ký.
TRẦN-THỊ-BI.

TRÍCH SAO Y NHƯ TRONG BẢN ÁN



THẨM PHÁN

Nguyễn Huy
Nguyễn Ngọc Tuyết

1/1 copy
Ngày 11 tháng 11 năm 1983
T. Án Nhân Dân Quận Phú Nhuận.
Thư Phòng,

Số: 1480

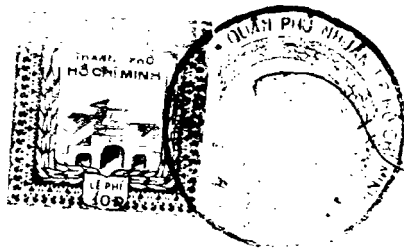
CHUNG HÒA GIANG SANG SINH
KHOE TRUNG HOA LUYE BANG 17

Ngày 26 tháng 5 năm 1982

2020 P. 2020 17

T/L. CH. HOA LUYE B. 17

U.V. T.N.



Nguyễn Văn Mưa

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Bản số

8141

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn (1944)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn hữu Hiếu
Phái	masculin
Ngày sanh	le treize Novembre mil neuf cent quarante quatre à lh.
Nơi sanh	Saigon, 131 rue Paul Blanchy
Tên, họ người Cha	Nguyễn văn Răng
Nghề-nghiep	commerçant
Nơi cư-ngụ	Phunhuân, Tân bình
Tên, họ người Mẹ.	Quách Kim Ngọc
Nghề nghiệp.	Sans profession
Nơi cư-ngụ	Phunhuân, Tân bình
Vợ chánh hay thứ.	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÍNH:

MM.10

1968

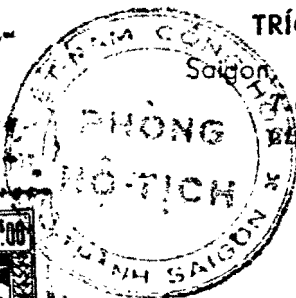
Saigon, ngày 9 tháng 6 năm 1968

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

PHÒNG HỘ-TỊCH

Luel

KHOA THƯỜNG



TRÍCH SAO QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

Theo quyết định thuận tình ly hôn số 56 /CNTL của Tòa Án Nhân

Độc lập 10, lập ngày 19 tháng 5 năm 1987 giữa

Một bên là Bà HUỖNH THỊ TUYẾT Sinh năm 1955

Dân tộc Vinh Tôn giáo Không

Nghề nghiệp Công nhân viên

Trụ sở làm việc Đoàn 11 Trại Vực Văn Hành P15-Phủ Huế (có mặt)

Một bên là Ông LÂM VĂN THÀNH Sinh năm 1952

Dân tộc Vinh Tôn giáo Không

Nghề nghiệp Thợ xây dựng

Trụ sở làm việc Đoàn 11 Trại Vực Văn Hành P15-Phủ Huế (có mặt)

Chánh Văn Phòng

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà HUỖNH THỊ TUYẾT và Ông LÂM VĂN THÀNH.

2. Công nhận việc thỏa thuận giữa đôi bên giao trả con cái cho Bà HUỖNH THỊ TUYẾT tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và học hành tại Tổ 10 bắt đầu từ 5/1987 cho đến khi con trưởng thành và đi làm việc riêng.

3. Về tài sản chung, việc nuôi con và mức đóng góp cho con do đôi bên tự thỏa thuận.

4. Về việc chia tài sản chung có gì giải quyết.

5. Về việc đảm bảo tự nguyện chấp hành.

6. Quyết định này có giá trị như một bản án sơ thẩm.

7. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày 19-5-1987.

THỦ KÝ:

(Chữ ký)

THỦ KÝ:

(Chữ ký)

CHỖ KÝ PHÁP

PHAN DINH ĐOÀI

Th. 10-5-1987, ngày 20-5-1987

Tòa Án Nhân Dân Quận 10

Chánh Văn Phòng

(Chữ ký)

(Chữ ký)

Xã, Thị trấn: phường 17
Thị xã, Quận: phủ Nhuận
Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 039
Quyển số 01/88

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>Nguyễn Hữu Hữu</u>	<u>Huỳnh Thị Tô Huệ</u>
Sinh ngày, tháng năm hay tuổi	<u>1944</u>	<u>1954</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh -</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh -</u> <u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Đầu bếp</u>	<u>Công nhân viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>33 Huỳnh Văn Bánh</u> <u>phường 17 - Quận phú Nhuận</u>	<u>60/11 Huỳnh Văn Bánh</u> <u>phường 15 - Quận phú Nhuận</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>..</u>	<u>02.0105920</u>

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày .. tháng .. năm ..

TM/UBND .. Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 7 tháng 7 năm 1989

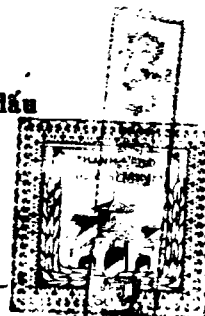
TM/UBND .. PN Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)



Trần Văn...

Nguyễn Thị Tô Huệ





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 027582506

Họ tên NGUYỄN HỮU HIẾU

Sinh ngày 13-11-1944

Nguyên quán Phú Nhuận,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 33 Huỳnh Văn
Bánh, F17, BN, TP. Hồ Chí Minh.



Số 1478

XUẤT

26

5

989



1000

Nguyễn Hữu Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020105920

Họ tên HUỲNH THỊ THỦY

Sinh ngày 07-4-1954

Nguyên quán An Đức,
Ba Trại, Bến Tre.

Nơi thường trú 60/11 Nguyễn-
Huỳnh Đức, P-Nhuận, TP HCM



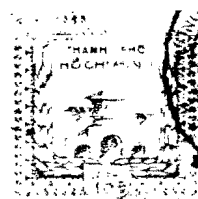
Số 1478

XUẤT

26

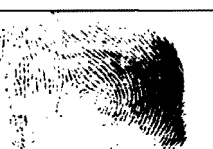
5

989



1000

Nhà

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi c0,7cm sau đầu mày trái.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 5 tháng 9 năm 1938	
		 QUẢN LÝ CÔNG AN <i>[Signature]</i>	

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		2 Sẹo chấm gần nhau 0,3cm c,0,8cm trên sau dưới mắt phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 05 tháng 7 năm 1978	
		 QUẢN LÝ CÔNG AN GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i>	

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
TH NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

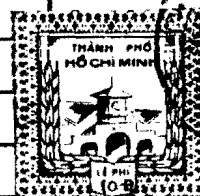
NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số : 900001 CN	
Họ và tên chủ hộ : <i>Nguyen Hữu Xuân Noai</i>	
Ấp, ngõ, số nhà : <i>33</i>	
Thị trấn, đường phố : <i>Nguyen Huynh Th</i>	
Xã, phường : <i>17</i>	
Huyện, quận : <i>Phước Ninh</i>	
Ngày <i>16</i> tháng <i>11</i> năm <i>1981</i> p. Trưởng công an <i>Quản Phước Ninh</i> (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	
	
Số NK 3 :	

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Tham Bân Hải Bình	con		1974			20.9.1976		
22	Bà Hải Hằng	cháu		1971			20.9.1976	Bà đi không báo	
23	Bà Thanh Bình	cháu		1976			11.1.1977	Bà đi không báo	
24	Bà Thanh Tân	cháu		8.11.79			23.11.1979	Bà đi không báo	
25	Nguyễn Hữu Cồ	Anh	nam	1938	02089.1953		27.3.1982		
26	Tham Ngọc Thù	con	nữ	1978					
27	Nguyễn Anh Tuấn	cháu	nam	1966	022446.424		16.01.1986		
28	Nguyễn Văn Bình	con	nữ	1934			26.7.1975		
29	Nguyễn Văn	con	nam	1944	022582.509		22.12.1977		
30	Nguyễn Văn	con	nam	1979					

Số: 1173
CHỨNG NHẬN CÔNG Y BẢN CHÍNH
Xuất trình tại UBND Phường 17.
Ngày 26 tháng 5 năm 1989
UBND. PHƯỜNG 17
T/L.



Nguyễn Văn Hải

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

NK 4 -

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số : 902862 CN	
Họ và tên chủ hộ : <i>Nguyễn Văn Giang</i>	
Ấp, ngõ, số nhà : <i>65/10</i>	
Thị trấn, đường phố : <i>Nguyễn Huệ, Đức</i>	
Xã, phường : <i>05</i>	
Huyện, quận : <i>phước Ninh</i>	
Ngày 10 tháng 3 năm 1982 P. Trưởng công an : <i>Sơn Phan Văn</i> (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	
	
Số NK 3 :	THIẾT Á : <i>Phạm Đình Hải</i>

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND
1	2	3	4	5	6
1	Nguyễn Văn Giang	chủ hộ	năm	28-7-1922	020174765
2	Nguyễn Thị Thuý	bà	nữ	7-4-1951	020905920
3	Lâm Thanh Hương Uyên	con	nữ	13-10-1976	
4	Nguyễn Văn Cường	vợ	mã	10/85	020183983
5	Nguyễn Xuân Đức	cha	nam	1988	
Số: 14/89 CHỦNG DẪN CHÍNH XUẤT CHIA LĨNH PHƯỜNG 17. Đang 26 tháng 5 năm 1989 UBND. PHƯỜNG 17 TỔ AN NINH QUẬN BẾN K.					
Nguyễn Văn Tuấn					

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

A/ BASIC IDENTIFICATION DATA :

- 1- Name : NGUYỄN HỮU HIẾU
 2- Other names : None
 3- Date/Place of Birth : November 13th, 1944, Saigon South Vietnam.
 4- Residence address : 33 Huỳnh Văn Bánh street, Phú Nhuận District,
 HoChiMinh City, South Vietnam.
 5- Mailing address : Same as above
 6- Are you married : Yes
 7- Current Occupation : None

B/ RELATIVES TO ACCOMPANY :

NAME	: DATE OF BIRTH	: PLACE OF BIRTH	: SEX	: MS	: RELATIONSHIP
1. HUYNH THI THUY	: April 7, 1954	: Bến Tre	: F	: M	: Wife
2. LAM THUY PHUONG UYEN	: Oct. 13, 1976	: Gia Dinh	: F	: S	: Daughter (a)
3. NGUYEN HUYNH DUC	: August 6, 1988	: HoChiMinh City	: M	: S	: Son

(a) step daughter.

C/ RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

- 1- Closest relative in the U.S. : None
 2- Closest relative in other foreign country :

NAME	: RELATIONSHIP	: ADDRESS
1. PHẠM TẤN LỢI	: Brother-in-law	: 182/229 Hoddle St.
	: (Whose wife Nguyễn Hữu	: Abbots Ford VIC 3067
	: Xuân Mai is still in	: AUSTRALIA
	: Vietnam).	:
2. NGUYỄN THỊ CÚC	: Sister	: 5 PARWAN CRT
	:	: COOLAROO VIC 3047
	:	: AUSTRALIA
3. NGUYỄN PHÚ KINH LUÂN	: Nephew	: 67/112 ELIZABETH St.
	:	: RICHMOND VIC 3121
	:	: AUSTRALIA.

D/ COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

	<u>Name</u>	<u>Address</u>	<u>L/D</u>
- Father	NGUYỄN VĂN RANG	33 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận District, HoChiMinh City, VN	D
- Mother	QUACH KIM NGOC	-''-	D
- Spouse	HUYNH THI THUY	60/11 Huỳnh Văn Bánh, P15, Phú Nhuận District, HCM City, VN.	L
- Children	LAM THUY PHUONG UYEN	-''-	L
''	NGUYEN HUYNH DUC	-''-	L

- Brother NGUYEN VAN SANG 33 Huynh Van Banh, P17, Phu Nhuan D (killed in
(former Lt. Colonel) District, HCM City. action 1974)
- Sister NGUYEN HUU PHUOC 33 Huynh Van Banh, P17, Phu Nhuan L
District, HCM City.
- Brother NGUYEN HUU CO -''- L
(former Captain)
- Sister NGUYEN HUU XUAN MAI -''- L
- Sister NGUYEN THI CUC 5 Parwan CRT Coolaroo VIC 3047 L
AUSTRALIA
- Sister NGUYEN THI HUE 33 Huynh Van Banh, P17, Phu Nhuan D
District, HCM City.

E/ EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOU
OR YOUR SPOUSE : None

F/ SERVICE WITH G.VN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person serving : NGUYEN HUU HIEU (applicant)
2. Dates : From June 1st 1964 to April 30th, 1975
3. Last Rank : Captain (Regular) Inspectorate General Officer
4. Ministry/Office/Military Unit : Inspectorate General of the Armed Forces
of Republic of Vietnam.

- Serial number 64/199165.

5. Name of Supervisor : Lieutenant General NGUYEN VAN MINH
6. Reason for leaving : Former regime Collapse (April 30th, 1975)
7. Name of American advisor : Mr. WARREN P. ALLEN Col USA Deputy Senior advisor
8. U.S. Training Courses in VIETNAM : None
9. U.S. Awards or Certification : None

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE : None

H/ REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in Reeducation : NGUYEN HUU HIEU
2. Total time in Reeducation : 6 years 9 months 15 days
3. Still in Reeducation : No (released April 7th, 1982)

I/ ANY ADDITIONAL REMARKS :

- My family and I are for the time being in a precarious and desperate situation.
- I affirm that all the information in this Questionnaire is true and I understand that any false statement would prevent me from going to U.S.A.

Date : JUNE 01st, 1989

Respectfully Yours,


NGUYEN HUU HIEU

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

A/ BASIC IDENTIFICATION DATA :

- 1- Name : NGUYỄN HỮU HIẾU
 2- Other names : None
 3- Date/Place of Birth : November 13th, 1944, Saigon South Vietnam.
 4- Residence address : 33 Huỳnh Văn Bánh street, Phú Nhuận District,
 HoChiMinh City, South Vietnam.
 5- Mailing address : Same as above
 6- Are you married : Yes
 7- Current Occupation : None

B/ RELATIVES TO ACCOMPANY :

NAME	: DATE OF BIRTH	: PLACE OF BIRTH	: SEX	: MS	: RELATIONSHIP
1. HUYNH THI THUY	: April 7, 1954	: Bến Tre	: F	: M	: Wife
2. LAM THUY PHUONG UYEN	: Oct. 13, 1976	: Gia Định	: F	: S	: Daughter (a)
3. NGUYEN HUYNH DUC	: August 6, 1988	: HoChiMinh City	: M	: S	: Son

(a) step daughter.

C/ RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

- 1- Closest relative in the U.S. : None
 2- Closest relative in other foreign country :

NAME	: RELATIONSHIP	: ADDRESS
1. PHẠM TẤN LỢI	: Brother-in-law	: 182/229 Hoddle St.
	: (whose wife Nguyễn Hữu	: Abbots Ford VIC 3067
	: Xuân Mai is still in	: AUSTRALIA
	: Vietnam).	:
2. NGUYỄN THỊ CÚC	: Sister	: 5 PARWAN CRT
	:	: COOLAROO VIC 3047
	:	: AUSTRALIA
3. NGUYỄN PHÚ KINH LUÂN	: Nephew	: 67/112 ELIZABETH St.
	:	: RICHMOND VIC 3121
	:	: AUSTRALIA.

D/ COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)

	<u>Name</u>	<u>Address</u>	<u>L/D</u>
- Father	NGUYỄN VĂN RANG	33 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận District, HoChiMinh City, VN	D
- Mother	QUACH KIM NGOC	-"-	D
- Spouse	HUYNH THI THUY	60/11 Huỳnh Văn Bánh, P15, Phú Nhuận District, HCM City, VN.	L
- Children	LAM THUY PHUONG UYEN	-"-	L
"	NGUYEN HUYNH DUC	-"-	L

- Brother NGUYEN VAN SANG 33 Huynh Van Banh, P17, Phu Nhuan D (killed in
(former Lt. Colonel) District, HCM City. action 1974)
- Sister NGUYEN HUU PHUOC 33 Huynh Van Banh, P17, Phu Nhuan L
District, HCM City.
- Brother NGUYEN HUU CO -''- L
(former Captain)
- Sister NGUYEN HUU XUAN MAI -''- L
- Sister NGUYEN THI CUC 5 Parwan CRT Coolaroo VIC 3047 L
AUSTRALIA
- Sister NGUYEN THI HUE 33 Huynh Van Banh, P17, Phu Nhuan D
District, HCM City.

E/ EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE : None

F/ SERVICE WITH G.VN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person serving : NGUYEN HUU HIEU (applicant)
2. Dates : From June 1st 1964 to April 30th, 1975
3. Last Rank : Captain (Regular) Inspectorate General Officer
4. Ministry/Office/Military Unit : Inspectorate General of the Armed Forces
of Republic of Vietnam.

- Serial number 64/199165.

5. Name of Supervisor : Lieutenant General NGUYEN VAN MINH
6. Reason for leaving : Former regime Collapse (April 30th, 1975)
7. Name of American advisor : Mr. WARREN P. ALLEN Col USA Deputy Senior advisor
8. U.S. Training Courses in VIETNAM : None
9. U.S. Awards or Certification : None

G/ TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE : None

H/ REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in Reeducation : NGUYEN HUU HIEU
2. Total time in Reeducation : 6 years 9 months 15 days
3. Still in Reeducation : No (released April 2th, 1982)

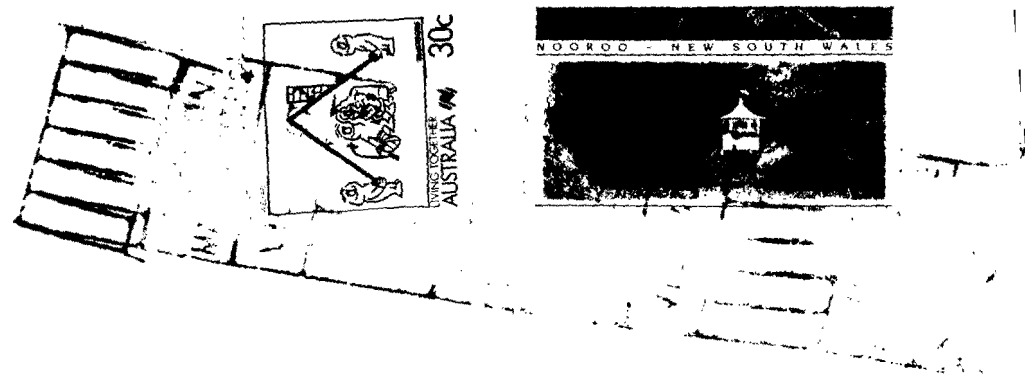
I/ ANY ADDITIONAL REMARKS :

- My family and I are for the time being in a precarious and desperate situation.
- I affirm that all the information in this Questionnaire is true and I understand that any false statement would prevent me from going to U.S.A.

Date : JUNE 01st, 1989

Respectfully Yours,


NGUYEN HUU HIEU



HỒ SƠ BỐ TUC.

TO: FAMILIES of VIETNAMESE POLITICAL
PRISONERS ASSOCIATION,

P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635
(Hội Gia đình tù nhân chính trị VIỆT NAM)

NOV 20 1989

U.S.A.

fr: NGUYEN

AustraliA.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN Hũn Hieu
Last Middle First

Current Address: 83 Huỳnh Văn Bánh St. Q Phú Nhuận TP HCM

Date of Birth: 11/13/1944 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Capt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/23/75 To 04/07/82
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Phản nhận ngày 10-7-1988

Kính gửi Bà Khắc Minh Thảo
như danh Trưởng Hội Ngọc Dung
Hội Trưởng Hội Cựu nhân Chính trị
Việt Nam.

Kính thưa Bà Hội Trưởng,

Bà, Nguyễn-Dũng-Hiến nguyên là Sĩ Quan
Quân lực Việt Nam Cộng Hòa hiện còn kẹt ở
Việt Nam.

Hôm nay dân dân Tiến mới được biết đến
Bà và Quý Hội qua sự giới thiệu của Tổng
Cảnh, và cũng được biết Quý Hội của Tiểu đoàn
luôn giúp đỡ những người cũng hoàn cảnh như
tôi có một ước vọng duy nhất là được sống độc
lập tự do trong đất nước & quốc gia tự do
nào.

Kính thưa Bà Hội Trưởng,

Sau khi được phóng thích ngày 7-4-1982, tôi
sống trong một hoàn cảnh thật lộn xộn, không
có việc làm ổn định, cha mẹ chết và hạnh phúc
gia đình vỡ tan tã tở. Năm 1984, tôi có
gửi & hồ sơ đến Bangkok để xin Chính phủ
Hoa Kỳ được ra đi định cư tại Hoa Kỳ được
bất cứ & quốc gia tự do nào nhưng suốt 4
năm rưỡi ra đi chờ đợi vẫn không nhận được
tin tức nào, gần đây tôi theo dõi tin tức
được biết Chính phủ Hoa Kỳ luôn luôn quan
tâm đến những người H.T.C.T được định cư tại
Hoa Kỳ theo chương trình nhân đạo.

Vì thế ngày hôm nay, tôi gửi hồ sơ này
đến Bà, kính nhờ Bà giúp đỡ tôi, can thiệp với
Chính phủ Hoa Kỳ bằng mọi cách để tôi sớm được
quảng định sách nhân đạo của Chính phủ Hoa
Kỳ dành cho những người H.T.C.T.

Bà kính gửi đến Bà và Quý Hội lời chúc
tốt đẹp nhất của tôi và gia đình

Trân trọng kính chào Bà.


Nguyễn Dũng Hiến

7. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

—000—

VIỆT-NAM, CỘNG-HÒA
ĐOÀN QUÂN-TRUNG
ĐOÀN TƯỚNG THAM-MƯU QLVNCH
NHÀ TƯỚNG THANH-TRÀ QUÂN-LỰC

—1-1-1-1-1—

Số: 3526/TM/TTCQ/HQTT/NV.

- Chiến SL số 1/SL/QP ngày 1/1/66 an-định phụ-cấp chức-vụ cho các quân-chiến trong QLVNCH,
- Chiến ND số 124/CP/TCNT/ND ngày 5/6/71, cải tổ Nha TTCQ,
- Chiến RQ3 Nha Tổng Thanh-Trà Quân-Lực: số 62-2180 phổ biến do ĐVT số 1251/TM/TTCQ/K/TCNT/ND ngày 7/5/73,
- Chiến pháp-cấp công-vụ,

(1) QUY TRÌNH - DTH

ĐIỀU 1. - Nay bổ nhiệm kể từ ngày 22-Ch-1974.

- Đại-đ/ND NGUYỄN-HỮU-HIỆU số-quân 64/199.165 giữ chức-vụ Sĩ-quan Thanh-Trà/Sĩ Thanh-Trà Tổng-Quản thay thế Thiếu-tá NGUYỄN-THUẬN-ĐỨC giữ nhiệm-vụ khác.

ĐIỀU 2. - Trong thời gian đầu nhiệm chức-vụ kể trên sĩ-quan đương-sự được hưởng phụ-cấp chức-vụ theo thể lệ hiện hành.

NƠI NHẬN :

- CQ đương-sự
- CQ TTTQ
- "Đoàn hành"
- BỘ TM/P.TQT (Khối BN)
- T.T.HQCN/HLQ
- CQ-sơ nhân-viên
- Lưu.

KDC.4654, ngày 07 tháng 05 năm 1974

Trung-đ/đ LÊ-NGUYỄN-KHANG
Phụ-ta Hành-Quản/T.TM/QLVNCH
Kiếm Tạng Thanh-Trà Quân-Lực

Khau

BỘ NỘI VỤ
Trại Hàm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

G IẤ Y R A T H A I

Trên thông tư số 906-BCA/TTg ngày 31/05/61 của Bộ Nội vụ
Thi hành quyết định của số 41/QĐ ngày 29/3/82 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: NGUYỄN HỮU HIẾU

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Năm sinh: 1944

Nơi sinh: Sài Gòn

Trú quán: 33/ Nguyễn Huỳnh Đức - Phú Nhuận - T/P HCM

Cán. Tội: Đại úy sỹ quan cảnh sát

Bị bắt: 23/6/75

Đu. phạt: TTCT

Nay về cư trú tại: 33 Nguyễn Huỳnh Đức - Phú Nhuận - T/P HCM

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng: Tỏ ra an tâm học tập cải tạo, không có biểu hiện gì xấu.

Lao động: Sức khỏe yếu nhưng cố gắng đảm bảo ngày công hoàn thành công việc được giao.

Nội quy: Chấp hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.

Học tập: Tham gia đều tiếp thu khi
quản chế 12 tháng.

Làm tay ngón trở phải. Họ tên chữ ký của người. // /gày 7/10/82
của: NGUYỄN HỮU HIẾU Được cấp giấy



THỦ TƯỚNG: PHẠM HUY

Nguyễn Hữu Hiếu
Đang ở khi về có đến trình diện ngay
với chính quyền địa phương



Ngày 09/08/82
RCA

Lưu hồ

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS

A/ BASIC IDENTIFICATION DATA :

- 1- Name : NGUYỄN HỮU HIẾU
 2- Other names : None
 3- Date/Place of Birth : November 13th, 1944, Saigon South Vietnam.
 4- Residence address : 33 Huỳnh Văn Bánh street, Phú Nhuận District,
 HoChiMinh City, South Vietnam.
 5- Mailing address : Same as above.
 6- Are you married : Yes
 7- Current Occupation : None

B/ Relatives to Accompany :

NAME	Date of Birth	Place of Birth	Sex	MS	Relationship
1. HUYNH THI THUY	April 7, 1954	Bến Tre	F	M	My wife
2. LAM THUY PHUONG UYEN	Oct. 13, 1976	Gia Định	F	S	Daughter (a)

(a) My step daughter.

C/ Relatives outside Vietnam :

- I. Closest relative in the U.S. : None
 II. Closest relative in other foreign country :

NAME	Relationship	Address
1. PHAM TEN LOT	Brother-in-law	182/229 Hoddle St. (whose wife Nguyễn Hiền : Abbots Ford VIC 3067 : Xuân Mai is still in : AUSTRALIA : Vietnam). :
2. NGUYỄN THỊ CÚC	Sister	8/32 DERBY St. : Kensington VIC 3031 : AUSTRALIA

D/ Complete family listing (Living/Dead)

	Name	Address	L/D
- Father	NGUYỄN VĂN BANG	33 Huỳnh Văn Bánh, Phú Nhuận District, HoChiMinh City, VN	D
- Mother	QUACH KIM NGOC	- " -	D
- Spouse	HUYNH THI THUY	60/11 Huỳnh Văn Bánh, P15, Phú Nhuận District, HCM City, VN.	L
- Children	LAM THUY PHUONG UYEN	- " -	L
- Sibling	NGUYỄN VĂN SANG (former Lt. Colonel)	33 Huỳnh Văn Bánh, P17, Phú Nhuận District, HCM City.	D (killed in action 1974)

- Sister	NGUYEN HUU PHUOC	33 Huynh Van Bành, P17, Phu Nhuan District, HCM City.	L
- Brother	NGUYEN HUU GO (former Captain)	- " -	L
- Sister	NGUYEN HUU XUAN MAI	- " -	L
- Sister	NGUYEN THI GIC	2/32 DEREY ST, ^N KESINGTON VIC 3031 AUSTRALIA	L
- Sister	NGUYEN THI HUO	33 Huynh Van Bành, P17, Phu Nhuan District, HCM City.	D

E/ Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organisations of you or your spouse : None.

F/ Service with G.I.V or HMMAP by you or your spouse:

1. Name of person serving : NGUYEN HUU HIEU (applicant)
2. Dates : From June 01/1964 to April 30th, 1975
3. Last Rank : Captain (Regular) Inspectorate General Officer
4. Ministry/Office/Military Unit : Inspectorate General of the Armed Forces of Republic of Vietnam
- Serial number 64/199165.
5. Name of Supervisor : Major General NGUYEN VAN MINH.
6. Reason for leaving : Former regime Collapse (April 30th, 1975)
7. Name of American advisor : Mr. WARREN P. ALLEN Col USA Deputy Senior advisor
8. U.S. Training Courses in VIETNAM : None
9. U.S. Awards or Certification : None

G/ Training outside Vietnam of you or your spouse : None

H/ Reeducation of you or your spouse :

1. Name of person in Reeducation : NGUYEN HUU HIEU
2. Total time in Reeducation : 6 years 9 months 15 days
3. Still in Reeducation : No (released April 7th, 1982)

I/ Any additional Remarks :

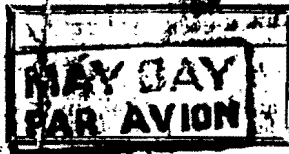
- My family and I are for the time being in a precarious and desperate situation
- I affirm that all the information in this Questionnaire is true and I understand that any false statement would prevent me from going to U.S.A.

Respectfully Yours,

Date : 29th JUNE 1988


NGUYEN HUU HIEU

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam



(29 và 29a cũ)
C. 5

BƯU CHÍNH
Service des Postes

Nhất ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

GIẤY BÁO

Nhận
Réception
Trả tiền
Payement



Avis de (2)

Bưu chỉ : **Mr NGUYỄN-HỮU-HIỆU**
Adresse **33 NGUYỄN-HUYNH-DIEU Street, Sub-District 17**
Phủ Nhuận District



(~~AN~~) **CHỦ NGHĨA** Cộng hòa (Pays) **Republic Socialist VN**

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ «Hoàn lại bằng máy bay»
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente «Renvoï par avion»
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh (Par avion).
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue «Par avion».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi báo, người nhận báo đã gửi hoàn giấy báo này.
L'avis est renvoyé par avion à son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bưu cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoyé recommandé

ký gửi tại Bưu cục Thị trấn Phố HỒ-CHÍ-MINH
déposé au bureau de poste de

ngày tháng 9 19 84 số 036
le 19 sous le no

địa chỉ người nhận ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
Adresse du destinataire

131 SOI TIEN SIANG SATHORN TAI ROAD

BANGKOK 10120 THAILAND

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày _____
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)



Chữ ký nhân viên
Bưu cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

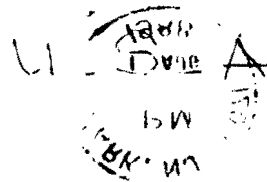


BI CHÚ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận bảo lần thứ 3 mới đến ».

AIR MAIL
PAR AVION



TO: Mrs. KHUC MINH THO
PO BOX 5435 ARLINGTON -
VA 22205 - 0635 -



to: GONDER. LUAN NGUYEN

AUSTRALIA -

